

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương Minh

Bà Phan Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05-7-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 25-4-2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20-6-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978;

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-4-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn Đ vào ngày 07-02-2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm

hiếu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không chịu làm ăn mà thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc dẫn đến kinh tế khó khăn, vợ chồng cãi cọ, xô xát. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ vài lần nhưng do nghĩ đến các con còn nhỏ nên chị lại quay về chung sống cùng anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ không thay đổi tính cách nên cách đây khoảng 5 năm, vợ chồng chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Phạm Thị Minh P, sinh ngày 21-11-2002, Phạm Thị Phương T, sinh ngày 27-11-2008 và Phạm Quang D, sinh ngày 10-7-2011. Chị xin nuôi cháu P và cháu T, để anh Đ nuôi cháu D, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh đã hai lần đến tìm chị N về nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung như chị N trình bày. Anh xin nuôi cháu D, để chị N nuôi cháu P và cháu T, anh tự nguyện không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ; chị muốn nuôi cả ba con nhưng do cháu D xin ở với anh Đ nên chị đề nghị được nuôi cháu P và cháu T, để anh Đ nuôi cháu D, không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc

giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị N ly hôn anh Đ. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Minh P, sinh ngày 21-11-2002 và Phạm Thị Phương T, sinh ngày 27-11-2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Quang D, sinh ngày 10-7-2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N và anh Đ không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn Đ được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt, anh Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn Đ kết hôn vào năm 2002, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, anh Đ không chịu khó làm ăn, còn chơi bời, chị N và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe, thậm chí còn đánh đập chị. Hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân từ năm 2014, không có cuộc sống chung, không quan tâm đến nhau. Chị N xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị N ly hôn anh Đ.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị N và anh Đ có ba con chung là Phạm Thị Minh P, sinh ngày 21-11-2002, Phạm Thị Phương T, sinh ngày 27-11-2008 và Phạm Quang D, sinh ngày 10-7-2011. Chị N và anh Đ đều có ý kiến giao cháu P và cháu T cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng, hai bên tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P và cháu T hiện

đang ở với chị N, có nguyện vọng xin ở với mẹ, còn cháu D đang ở với anh Đ, có nguyện vọng xin ở với bố. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu P và cháu T cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị N và anh Đ tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Văn Đ.
2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Phạm Thị Minh P, sinh ngày 21-11-2002 và Phạm Thị Phương T, sinh ngày 27-11-2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Quang D, sinh ngày 10-7-2011 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N và anh Đ không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003645 ngày 25-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Thanh